

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2016
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2016	Số thuế chênh lệch	
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả
89	Trần Kim Thu	Liễu	Khoa KHCb h	72.579.757	27.000.000	10.800.000	3.000.414	31.779.343	2.516.901	1.769.889	747.012	
90	Nguyễn Phương	Hà	Khoa KHCb h	51.829.357	27.000.000	-	1.396.152	23.433.205	1.593.321	3.684.873		2.091.552
91	Nguyễn Huỳnh Mai	Hạnh	Khoa KHCb h	32.888.397	27.000.000	-	1.358.076	4.530.321	226.515	206.119	20.396	
92	Nguyễn Thị Huyền	Nga	Khoa KHCb h	48.696.487	27.000.000	-	2.037.972	19.658.515	1.215.852	1.202.925	12.927	
93	Nguyễn Thị Minh	Quý	Khoa KHCb a	82.018.521	27.000.000	10.800.000	2.672.547	41.545.974	3.981.897	3.912.507	69.390	
94	Nguyễn Văn Đông		Khoa KHCb l	60.353.558	27.000.000	10.800.000	1.590.309	20.963.249	1.346.325	4.484.133		3.137.808
95	Cao Đình Trung	Hậu	Khoa KHCb l	56.242.116	27.000.000	21.600.000	2.304.129	5.337.987	266.898	2.589.876		2.322.978
96	Nguyễn Văn Hậu		Khoa KHCb t	38.796.127	27.000.000	-	891.891	10.904.236	545.211	2.384.313		1.839.102
97	Dương Đức Kiên		Khoa KHCb t	62.359.127	27.000.000	-	891.891	34.467.236	2.920.086	7.713.642		4.793.556
98	Hà Như Mai		Khoa KHCb t	63.460.615	27.000.000	-	1.223.493	35.237.122	3.035.568	6.140.517		3.104.949
99	Cao Thị Nga		Khoa KHCb t	44.528.073	27.000.000	-	2.091.369	15.436.704	793.671	1.061.565		267.894
100	Phạm Thị Thu	Nga	Khoa KHCb t	77.866.627	27.000.000	10.800.000	1.842.327	38.224.300	3.483.645	7.977.350		4.493.705
101	Nguyễn Đức Thắng		Khoa KHCb tc	65.545.945	27.000.000	10.800.000	2.404.293	25.341.652	1.784.166	4.400.712		2.616.546
102	Nguyễn Phú Tân		Khoa KHCb tc	47.898.290	27.000.000	-	1.446.921	19.451.369	1.195.137	2.903.867		1.708.730
103	Trương Thị Hồng		Khoa KHCb	35.142.118	27.000.000	-	891.891	7.250.227	362.511	1.683.375		1.320.864
104	Nguyễn Quỳnh	Giao	Khoa KHCb l	52.097.067	-	-	-	52.097.067	9.181.767	9.181.767	-	
105	Nguyễn Tiến Dương		Khoa KHCb t	56.661.305	-	-	-	56.661.305	10.351.600	10.351.600	-	
106	Lê Nguyễn Mỹ	Trâm	Khoa KHCb a	26.847.323	27.000.000	-	1.223.493	-	-	198.169		198.169
107	Trần Thanh Trúc		Khoa KHCb a	19.077.842	27.000.000	-	758.106	-	-	123.629		123.629
108	Nguyễn Thanh	Tú	Khoa KHCb l	46.147.390	27.000.000	21.600.000	2.073.648	-	-	1.133.110		1.133.110
109	Trần Thị Ánh Tuyết		Khoa KHCb l	23.856.191	27.000.000	32.400.000	-	-	-	2.261.013		2.261.013
110	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	Khoa KHCb t	41.668.941	27.000.000	21.600.000	1.893.552	-	-	1.152.996		1.152.996
111	Giang Phi Hùng		Khoa KHCb tc	36.309.888	27.000.000	21.600.000	1.234.926	-	-	1.059.621		1.059.621

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 27/02/2017.